

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ HNSG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ HNSG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HNSG INVESTMENT AND CONSULTING  
JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110076379

**3. Ngày thành lập:** 28/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô D10-2 Cụm làng nghề Tân Triều, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà  
Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0981011018

Fax:

Email: [trantrungbien@gmail.com](mailto:trantrungbien@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                | 4632        |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                               | 4651        |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                | 4652        |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn sơn, vécni; | 4663        |
| 5.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                  | 8292        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                          | 8299        |
| 7.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)                                                  | 7020        |
| 8.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                               | 7110        |
| 9.  | Quảng cáo                                                                                                                                                         | 7310        |
| 10. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                          | 7320        |
| 11. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                    | 7410        |
| 12. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                 | 4690        |
| 13. | In ấn                                                                                                                                                             | 1811(Chính) |
| 14. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                          | 1812        |
| 15. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                         | 1820        |
| 16. | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic                                                                                              | 2220        |
| 17. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                | 4791        |
| 18. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                            | 5210        |
| 19. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                         | 5510        |
| 20. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                           | 8110        |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 800.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | LÊ KHẮC<br>THỦY    | Thôn Đồng<br>Thanh, Xã Vạn<br>Hòa, Huyện Nông<br>Cống, Tỉnh Thanh<br>Hoá, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 400.000       | 4.000.000.000            | 50,000       | 0380860046<br>72                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Tổng số                            | 400.000       | 4.000.000.000            | 50,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN TRUNG<br>BIÊN | Xóm 10 Đồng Vi,<br>Xã Đông La,<br>Huyện Đông<br>Hưng, Tỉnh Thái<br>Bình, Việt Nam  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 320.000       | 3.200.000.000            | 40,000       | 0340900026<br>22                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Tổng số                            | 320.000       | 3.200.000.000            | 40,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |              |                                                                                    |                           |        |             |        |                  |
|---|--------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | TRẦN VĂN PHÚ | Tổ 10 khu Vĩnh Tuy 2, Phường Mạo Khê, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 80.000 | 800.000.000 | 10,000 | 0220990000<br>95 |
|   |              |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                    | Tổng số                   | 80.000 | 800.000.000 | 10,000 |                  |
|   |              |                                                                                    |                           |        |             |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN TRUNG BIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/11/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034090002622

Ngày cấp: 27/09/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm 10 Đồng Vi, Xã Đông La, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm 10 Đồng Vi, Xã Đông La, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội